

Số: 05/2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 289/2025/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương, bao gồm:

1. Quy định Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng thông tư, thông tư liên tịch.
2. Lập, phê duyệt, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật tại Bộ Công Thương.
3. Phân cấp việc thực hiện nhiệm vụ, hoạt động thuộc thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia, Văn phòng Đảng ủy Bộ (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ); tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành hoặc liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm tuân thủ đúng, đầy đủ nguyên tắc áp dụng chế độ, chính sách đặc biệt quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị quyết số 197/2025/QH15) và Điều 2 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.
2. Người đứng đầu đơn vị được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ và trước pháp luật trong áp dụng chế độ, chính sách đặc biệt theo quy định của Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

Chương II

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với thông tư, thông tư liên tịch

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương và thông tư liên tịch do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.
2. Trường hợp xây dựng thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo thì áp dụng định mức khoán chi như sau:
 - a) Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 thông tư trở lên, thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 thông tư liên tịch trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 thông tư tương ứng tại Phụ lục kèm theo Thông tư này; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 thông tư, thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 thông tư liên tịch thì áp dụng tổng mức chi bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 thông tư tương ứng tại Phụ lục kèm theo Thông tư này; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

3. Thông tư bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ thông tư, thông tư liên tịch bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ thông tư liên tịch thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 thông tư tương ứng tại Phụ lục kèm theo Thông tư này; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Lập, phê duyệt dự toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với công tác xây dựng chính sách, văn bản pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật

1. Căn cứ chương trình, kế hoạch công tác (định kỳ, chuyên đề, đột xuất hoặc kế hoạch soạn thảo chi tiết) trong công tác xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật của đơn vị đã được giao ở văn bản cấp trên hoặc đã được Lãnh đạo Bộ quyết định, chấp thuận, đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động có trách nhiệm lập dự toán đối với từng nhiệm vụ, hoạt động.

2. Nội dung chi, mức chi cụ thể được quyết định trên cơ sở xem xét một trong các tiêu chí sau:

- a) Mức độ cấp bách của văn bản để giải quyết các vấn đề thực tiễn;
- b) Mức độ, phạm vi tác động của văn bản đối với kinh tế - xã hội của đất nước, của ngành;
- c) Tính chất, loại hình, tầm quan trọng, tính chiến lược;
- d) Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (đặc biệt, rút gọn hoặc thông thường);
- đ) Tổ hợp của hai hoặc tất cả tiêu chí nêu trên.

3. Thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh dự toán của từng nhiệm vụ, hoạt động

a) Đối với các Cục, Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia: Thủ trưởng đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động có trách nhiệm phê duyệt, điều chỉnh dự toán của từng nhiệm vụ, hoạt động theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Đối với các Vụ, Văn phòng Bộ: Chánh Văn phòng Bộ có trách nhiệm phê duyệt, điều chỉnh dự toán của từng nhiệm vụ, hoạt động theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Việc điều chỉnh nội dung chi, mức chi phải bảo đảm không vượt quá tổng dự toán đã được phê duyệt; không vượt quá tổng mức chi cho nhiệm vụ, hoạt động tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Phụ lục kèm

theo Thông tư này; không vượt quá mức cao nhất của khung định mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Phụ lục của Thông tư này.

5. Trên cơ sở văn bản đề nghị lập, lập bổ sung dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, các đơn vị theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này có trách nhiệm gửi dự toán cho Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp; các đơn vị theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này có trách nhiệm gửi dự toán cho Văn phòng Bộ để tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của Bộ.

Hồ sơ dự toán bao gồm: chương trình, kế hoạch công tác (định kỳ, chuyên đề, đột xuất, kế hoạch soạn thảo chi tiết) trong công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật của đơn vị đã được giao ở văn bản cấp trên hoặc đã được Lãnh đạo Bộ quyết định, chấp thuận; dự toán theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Phân bổ, giao dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật

Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao, Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các Cục, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Văn phòng Bộ; thông báo về việc phân bổ, giao dự toán của Bộ cho các đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động (các Vụ) và gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

Điều 7. Thù lao, thuê khoán thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế, hoạt động nghiên cứu chiến lược, chính sách, tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật

1. Người đứng đầu đơn vị được Bộ trưởng hoặc Lãnh đạo Bộ phân công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động thẩm định, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế, hoạt động nghiên cứu chiến lược, chính sách, tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật quyết định áp dụng thù lao, thuê khoán trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, quyết định mức thù lao, thuê khoán, cách thức hợp tác theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Công chức, viên chức, người lao động theo hợp đồng dài hạn thuộc quyền quản lý của đơn vị thuộc Bộ trực tiếp tham gia thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế, hoạt động nghiên cứu chiến lược, chính sách, tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP được hưởng thù lao theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

3. Việc sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn tham gia thực hiện nhiệm vụ, hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

Điều 8. Sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn trong công tác xây dựng pháp luật và một số nhiệm vụ, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật

1. Đơn vị lập đề xuất chính sách, đơn vị chủ trì soạn thảo, đơn vị chủ trì thẩm định, đơn vị được tham vấn chính sách và đơn vị thực hiện nhiệm vụ, hoạt động khác quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 197/2025/QH15 có quyền thuê chuyên gia để hỗ trợ, nâng cao chất lượng xây dựng chính sách, tham vấn, soạn thảo, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện một số nhiệm vụ, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật.

2. Người đứng đầu đơn vị được Bộ trưởng hoặc Lãnh đạo Bộ phân công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động có trách nhiệm tổ chức thực hiện và phải chịu trách nhiệm về các nội dung sau đây:

a) Xây dựng tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn trong nước thuộc lĩnh vực quản lý trình Bộ trưởng ban hành làm cơ sở để lựa chọn chuyên gia, tổ chức tư vấn;

b) Chủ động quyết định việc thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn tham gia thực hiện nhiệm vụ, hoạt động theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP;

c) Đánh giá và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, nghiệm thu sản phẩm hoàn thành của nhiệm vụ; sản phẩm hoàn thành của từng hoạt động thuộc nhiệm vụ.

3. Định mức khoán chi cho thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn thực hiện theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn tham gia xây dựng pháp luật quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế và xử lý các vấn đề pháp lý khác phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế

1. Người đứng đầu đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 197/2025/QH15 được thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn để hỗ trợ tư vấn, hỗ trợ nghiên cứu chính sách hoặc tham gia giải quyết tranh chấp quốc tế, xử lý các vấn đề pháp lý khác phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

2. Trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài hoặc tổ chức tư vấn nước ngoài thực hiện đối với nội dung tư vấn, hỗ trợ nghiên cứu chính sách hoặc tham gia giải quyết tranh chấp quốc tế, xử lý các vấn đề pháp lý khác phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế phải được xây dựng thành phương án và báo cáo

Lãnh đạo Bộ phê duyệt hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn quy định tại Điều này phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, quản lý hoạt động đối ngoại, Điều 27 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và pháp luật có liên quan khác.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

1. Đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động có trách nhiệm:

a) Bảo đảm tiến độ, chất lượng sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động; chịu trách nhiệm về nội dung, tính chính xác của hồ sơ, tài liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, hoạt động;

b) Sử dụng, quản lý kinh phí đúng quy định, đúng mục đích, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả;

c) Thực hiện thanh toán, quyết toán theo đúng định mức khoán chi theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này;

d) Cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

2. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách về tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

3. Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện Thông tư này đến các đơn vị thuộc Bộ.

4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Thông tư này; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **30** tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ Điều 38 Thông tư số 47/2025/TT-BCT quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

3. Trường hợp các văn bản, tên, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị được dẫn chiếu, đề cập trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để nghiên cứu, giải quyết./.

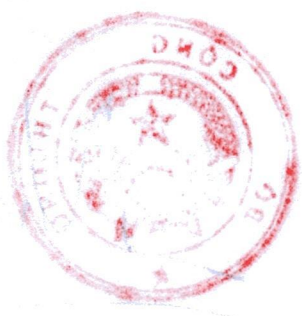
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Các Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, PC (5b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân



Phụ lục

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG**

(kèm theo Thông tư số 05/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Đối với thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành

ĐVT: triệu đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức khoản chi	Sản phẩm hoàn thành	Đơn vị lập dự toán
I.	Tổ chức soạn thảo, ban hành thông tư			
1.	Soạn thảo thông tư (Đơn vị chủ trì soạn thảo)	278	Thông tư được ký ban hành	Đơn vị chủ trì soạn thảo
2.	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo thông tư	30		
2.1.	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư ⁽¹⁾	2		
2.2.	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ, giao kinh phí xây dựng thông tư ⁽²⁾	2		
2.3.	Phê duyệt, ban hành thông tư			
2.3.1.	Người có thẩm quyền ký ban hành ⁽³⁾	5		
2.3.2.	Người ký ban hành ⁽⁴⁾	5		
2.3.3.	Lấy ý kiến của các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương khác phê duyệt hồ sơ dự thảo thông tư ⁽⁵⁾	2/thành viên		
2.3.4.	Rà soát, trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành Thông tư ⁽⁶⁾	2		
2.3.5.	Phát hành thông tư ⁽⁷⁾	2		
2.4.	Tổ chức lấy ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đối với hồ sơ dự thảo thông tư⁽⁸⁾	2		
II.	Thẩm định dự thảo Thông tư (Đơn vị chủ trì thẩm định)⁽⁹⁾	42	Thông tư được ký ban hành	Đơn vị chủ trì thẩm định

(1) Bộ phận kế toán của đơn vị dự toán của các đơn vị thuộc Bộ.

(2) Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp.

(3) Bộ trưởng.

(4) Thứ trưởng.

(5) Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương khác.

(6) Bộ phận tham mưu tổng hợp – Văn phòng Bộ.

(7) Bộ phận Văn thư - Văn phòng Bộ.

(8) Văn phòng Đảng ủy Bộ.

(9) Đơn vị chủ trì thẩm định được chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động như báo cáo thẩm định, tổ chức họp, thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có).

2. Đối với thông tư liên tịch do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo

ĐVT: triệu đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức khoán chi	Sản phẩm	Đơn vị lập dự toán
I.	Tổ chức soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch			
1.	Soạn thảo thông tư liên tịch (Đơn vị chủ trì soạn thảo)	175	Thông tư liên tịch được ban hành	Đơn vị chủ trì soạn thảo
2.	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo thông tư liên tịch	30		
2.1.	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư liên tịch ⁽¹⁾	2		
2.2.	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ, giao kinh phí xây dựng thông tư liên tịch ⁽²⁾	2		
2.3.	Phê duyệt, ban hành thông tư liên tịch			
2.3.1.	Người có thẩm quyền ký ban hành ⁽³⁾	5		
2.3.2.	Người ký ban hành ⁽⁴⁾	5		
2.3.3.	Lấy ý kiến của các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương khác phê duyệt hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch ⁽⁵⁾	2/thành viên		
2.3.4.	Rà soát, trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành thông tư liên tịch ⁽⁶⁾	2		
2.3.5.	Phát hành thông tư liên tịch ⁽⁷⁾	2		
2.4.	Tổ chức lấy ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đối với hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch ⁽⁸⁾	2		
3.	Liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch⁽⁹⁾	103	Thông tư liên tịch được ban hành	Đơn vị chủ trì soạn thảo
II.	Thẩm định dự thảo Thông tư liên tịch (Đơn vị chủ trì soạn thảo)⁽¹⁰⁾	42	Thông tư liên tịch được ban hành	Đơn vị chủ trì thẩm định

(1) Bộ phận kế toán của đơn vị dự toán của các đơn vị thuộc Bộ.

(2) Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp.

(3) Bộ trưởng.

(4) Thứ trưởng.

(5) Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương khác.

(6) Bộ phận tham mưu tổng hợp – Văn phòng Bộ.

(7) Bộ phận Văn thư - Văn phòng Bộ.

(8) Văn phòng Đảng ủy Bộ.

(9) Cơ quan liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch.

Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan.

(10) Đơn vị chủ trì thẩm định được chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động như báo cáo thẩm định, tổ chức họp, thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có).